

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 11/8/2023
“*V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bé Tám.

2. Ông Lê Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn :* **Công ty TNHH ADC.**

Trụ sở chính: Số 101 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Số 93 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C – sinh năm 1997. (theo văn bản ủy quyền số 125 ngày 21/10/2022).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 08, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:*

- Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ 08, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông C, ông T, ông U, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Minh C người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Năm 2016 nhằm thực hiện chương trình cánh đồng mơ ước, Công ty TNHH ADC có cùng ông Nguyễn Văn T hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp để sản xuất nông sản. Ngày 20/10/2017 Công ty TNHH ADC và ông T đã ký hợp đồng số 156/ĐX 17-18, nội dung hợp đồng, Công ty TNHH ADC sẽ đầu tư hàng hoá – vật tư nông nghiệp cho ông T để ông T sản xuất nông sản, số lượng nông sản do ông T đặt hàng tùy theo nhu cầu của ông T và ông T có nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp cho Công ty TNHH ADC vào cuối mùa vụ, thanh toán trước hạn sẽ được thưởng, trường hợp trễ hạn thì phải chịu lãi theo mức lãi suất là 1,1%/30 ngày.

Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH ADC đã cung cấp vật tư nông nghiệp đầy đủ, kịp thời cho ông T. Nhưng phía ông T lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nên dẫn đến phát sinh nợ quá hạn.

Ngày 31/8/2019, hai bên đã tiến hành đối chiếu nợ, ông T còn nợ Công ty TNHH ADC số tiền 132.140.658 đồng. Từ đó đến nay Công ty TNHH ADC đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông T vẫn chưa thanh toán nợ cho Công ty TNHH ADC.

Tại phiên toà, Công ty TNHH ADC yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả ngay số tiền còn nợ là 169.286.865 đồng, trong đó nợ gốc 132.140.658 đồng, tiền lãi chậm trả tính đến ngày 23/6/2022 là 37.146.207 đồng. Đồng thời yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm từ ngày 24/6/2022 đến ngày xét xử 11/8/2023 là 14.608.884 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi có ký hợp đồng mua phân bón thuốc trừ sâu của Công ty TNHH ADC với hình thức ký hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân. Người của Công ty TNHH ADC trực tiếp giao dịch với tôi là ông U (Tôi không biết họ tên chỉ biết tên thường gọi là U – cán bộ của công ty). Tôi có mua phân bón thuốc trừ sâu của công ty TNHH ADC được khoảng 3-4 năm thì ngưng mua bán cho đến nay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, sau mỗi mùa vụ tôi đều có trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu cho Công ty TNHH ADC và người nhận tiền trực tiếp với tôi là ông U. Trong cùng thời gian đó, có 02 người ở khu vực ấp Lung Lớn cũng làm nông nghiệp giống tôi (tôi không biết rõ họ tên của 02 người này mà chỉ biết tên thường gọi là ông Mười và bà Bảy), ông U có cung cấp phân bón thuốc trừ sâu cho họ. Theo tôi biết, ông U và 02 người đó giao nhận phân bón thuốc trừ sâu trực tiếp với nhau và có ghi sổ riêng biệt. Nhưng thời gian sau, ông U nói với tôi là gộp 02 hợp đồng của 02 người đó cùng với tôi để tiện theo dõi, tôi cũng không Q tâm để ý, việc ông U cộng tiền mua phân bón thuốc trừ sâu của 02 người đó vào cho tôi thì tôi không hề hay biết. Khi ngưng mua phân bón thuốc trừ sâu của Công ty TNHH ADC

thì phía ông U có nói tôi chỉ còn thiếu công ty số tiền khoảng 90.000.000 đồng. Do đó, việc Công ty khởi kiện tôi trả số tiền gốc 132.140.658 đồng và tiền lãi là 37.146.207 đồng là có bao gồm cả tiền nợ của 02 người kia là ông Mười và bà Bảy nên tôi không đồng ý. Tôi chỉ đồng ý trả số tiền nợ của tôi là 90.000.000 đồng và xin không trả phần tiền lãi do làm nhiều vụ bị thua lỗ.

- Ông Nguyễn Văn U trình bày:

Tôi là nhân viên công ty TNHH ADC có quen biết với ông Nguyễn Văn T và có giới thiệu sản phẩm vật tư của công ty cho ông T, từ đó ông T có đồng ý ký hợp đồng với công ty làm chủ câu lạc bộ để thực hiện hợp đồng trực tiếp mua vật tư nông nghiệp và chịu trách nhiệm thanh toán với công ty.

Sau đó thì ông T có ký hợp đồng mua vật tư nông nghiệp nhiều lần và ông T cũng trả nợ nhiều lần cho công ty. Vì ông T là người mua và người trực tiếp trả tiền chịu trách nhiệm toàn bộ với công ty. Trong đó có các hộ nông dân khác mua vật tư với ông T nhưng ông T đứng ra bảo lãnh cho các hộ nông dân cùng trong câu lạc bộ và chịu trách nhiệm trực tiếp với công ty, có nghĩa là nếu các hộ mua vật tư nông nghiệp trong câu lạc bộ chung với ông T mà không trả tiền cho công ty thì ông T có trách nhiệm phải trả toàn bộ (vì là người đứng ra bảo lãnh cho các hộ nông dân) cho công ty. Sau đó thì những người đó có trách nhiệm trả tiền với ông T.

Sau quá trình mua bán với ông T thì tính đến ngày 31/8/2019 công ty ban hành sổ chi tiết đơn vị mua tổng hợp lại số tiền ông T còn nợ là 132.140.658 đồng nên ông T nhất còn nợ và đồng ý ký vào biên nhận.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi T nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn U. Vì tôi có ký hợp đồng với công ty với tư cách là chủ câu lạc bộ với trách nhiệm đứng ra nhận vật tư nông nghiệp để bản thân sản xuất và phân phối cho các hộ nông dân và chịu trách nhiệm thanh toán với công ty. Với trách nhiệm là người trực tiếp bảo lãnh cho các hộ nông dân trong câu lạc bộ có trách nhiệm giao phân thuốc và thu tiền giao về công ty nếu các hộ nông dân không trả thì tôi với trách nhiệm bảo lãnh sẽ trả cho công ty. Trong câu lạc bộ thì có ông Mười, bà Bảy cùng tham gia nhưng không trả nợ cho công ty nên công ty có thông báo số nợ là 132.140.658 đồng, trong đó có nợ của tôi, ông Mười, bà Bảy nhưng vì có trách nhiệm bảo lãnh và chủ câu lạc bộ nên tôi mới đồng ý ký vào sổ chi tiết đơn vị mua của công ty. Nay nếu công ty yêu cầu tôi trả số nợ nêu trên thì tôi cũng đồng ý, xin công ty bỏ phần tính lãi. Sau này tôi sẽ yêu cầu ông Mười, bà Bảy phải trả lại số nợ mà tôi đã đứng ra bảo lãnh với công ty.

Tại phiên tòa, ông T xin trả 01 lần 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 62.140.658 đồng xin trả mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng, 01 năm 02 vụ lúa là 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin công ty bỏ phần lãi suất.

- Bà Lê Thị T trình bày:

Tôi là vợ của ông Nguyễn Văn T, khi ký hợp đồng với công ty TNHH ADC tôi có biết sự việc nhưng không có ý kiến gì. Sau khi ký hợp đồng thì ông T có lấy phân thuốc về làm ruộng nhà và giao cho các hộ nông dân khác như ông Mười, bà Bảy để

làm ruộng nhưng khi đi thu nợ thì họ không chịu trả nên phần nợ của họ được công ty cộng qua cho ông T luôn. Tại phiên tòa, tôi T nhất với ý kiến của ông T.

Công ty không chấp nhận cho ông T, bà T trả dần, yêu cầu ông T, bà T phải có trách nhiệm trả công ty tổng số tiền 183.895.749 đồng, trong đó số tiền gốc là 132.140.658 đồng, tiền lãi 51.755.091 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà T phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp cả gốc và lãi cho công ty theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và Q hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại Tổ 08, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa Công ty TNHH ADC và ông Nguyễn Văn T có ký kết hợp đồng cung ứng vật tư nông nghiệp nhằm sản xuất nông sản, trên cơ sở có đơn đặt hàng công ty có trách nhiệm giao vật tư nông nghiệp cho ông T theo nhu cầu sản xuất của ông, ông T có trách nhiệm là người bảo lãnh, phân phối vật tư nông nghiệp cho các hộ nông dân trong câu lạc bộ do T làm đại diện và thu tiền về giao lại cho công ty vào cuối vụ lúa, nếu thu đạt thì ông T sẽ được thưởng, còn không đạt thì sẽ chịu lãi suất như trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng do nhiều lần ông T còn nợ chưa thanh toán cho công ty nên công ty có nhắc nhở và 02 bên cùng ngồi lại chốt số nợ và ông T ký vào sổ chi tiết đơn vị mua thừa nhận còn nợ công ty số tiền gốc là 132.140.658 đồng. Tuy nhiên ông T cho rằng số nợ ông ký với công ty có bao gồm cả khoản nợ của ông Mười, bà Bảy là người trong câu lạc bộ do ông làm chủ có mua vật tư nông nghiệp nợ công ty. Thực tế ông chỉ còn nợ công ty khoảng 90.000.000 đồng, tuy nhiên các giấy tờ có liên Q ông đã bỏ mất nay không còn. Đối với các lần giao dịch với công ty đều thông qua ông Nguyễn Văn U nhân viên công ty nên ông U biết rõ việc này. Qua làm việc giữa ông U với ông T thì ông T thừa nhận có đứng ra bảo lãnh số tiền mua vật tư nông nghiệp của công ty cho các hộ nông dân trong câu lạc bộ, nếu các hộ nông dân không thanh toán thì ông T sẽ có trách nhiệm đứng ra thanh toán cho công ty sau đó thì ông có quyền đòi các hộ này phải thanh toán lại cho ông.

Tại phiên tòa ông T, bà T cũng thừa nhận mình là người đứng ra bảo lãnh số tiền mua vật tư nông nghiệp nên cũng đồng ý thanh toán cho công ty, xin công ty bỏ

phần lãi suất. Vì vậy xét thấy yêu cầu của công ty TNHH ADC là phù hợp nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông T, bà T xin trả dần trả 01 lần 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 62.140.658 đồng, xin trả mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng, 01 năm 02 vụ lúa là 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin công ty bỏ phần lãi suất, do hiện nay hoàn cảnh ông, bà khó khăn nên không thể trả một lần, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xem xét do phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật Dân sự cũng không quy định về trả dần khi các bên đương sự không có thỏa thuận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T, bà T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 430, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị T phải trả cho Công ty TNHH ADC số tiền là 183.895.749 đồng, trong đó số tiền gốc là 132.140.658 đồng, tiền lãi 51.755.091 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông T, bà T phải chịu số tiền án phí là 9.194.787 đồng.
- Trả lại cho Công ty TNHH ADC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.303.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0009186 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH ADC, ông T, bà T, ông U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân Kieân Lồông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Lồông;
- Nhồõng ngồõoi TGTT;
- Lòu tập àùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XỒÙ SỒ
THAẢM
THAẢM PHAỪN – CHUỒ TOAỈ PHIEÂN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho